

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ - ST

Ngày 11/9/2020.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Nguyễn Đình P.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1987.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1987.

Đều có địa chỉ: Thôn 1 Gián Khẩu, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị P vắng mặt- có đơn xin xử vắng mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2020 và bản tự khai nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 06/12/2005 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới tôi và anh H về chung sống với nhau tại thôn 1 Gián Khẩu, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019, thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng trái ngược nhau và việc làm ăn kinh tế của gia đình lại gặp khó khăn. Dẫn đến anh H chán đời không chịu tu chí làm ăn. Mặc dù cả hai vợ chồng đã cố gắng hòa giải hàn gắn nH không được. Vợ chồng tuy sống chung nhà nH đã ly thân từ khoảng tháng 2/2020 đến nay. Hiện nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung, chị P trình bày: Vợ chồng tôi có 03 con chung, cháu lớn Nguyễn Vũ P L sinh ngày 28/4/2006; cháu thứ 2 tên là Nguyễn Vũ Minh T sinh ngày 16/12/2016; cháu thứ 3 tên là Nguyễn Vũ Quỳnh N sinh ngày 24/07/2018. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Vũ P L cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng ; giao hai cháu Nguyễn Vũ Minh T và Nguyễn Vũ Quỳnh N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng . Chị P không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung, nên chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Vũ P L cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao hai cháu Nguyễn Vũ Minh T và Nguyễn Vũ Quỳnh N cho chị Vũ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị P, anh H không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau, không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; Chị P phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn H có địa chỉ: Thôn 1 Gián Khẩu, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Vũ Thị P và anh Nguyễn Văn H là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn 1 Gián Khẩu, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của chị P cũng như sự xác nhận của chính quyền địa P nơi chị P và anh H sống chung là do bất đồng quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng trái ngược nhau và việc làm ăn kinh tế của gia đình lại gặp khó khăn dẫn đến anh H chán đời không chịu tu chí làm ăn càng làm cho tình cảm vợ chồng thêm mâu thuẫn. Bản thân anh H không có mặt tại Tòa án để làm việc, trong khi anh H vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn 1 Gián Khẩu, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nhà để làm việc và tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Vũ Thị P và anh Nguyễn Văn H đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị P xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của chị P có xác nhận của chính quyền địa P nên Tòa án xác định chị P và anh H có 03 con chung, cháu lớn Nguyễn Vũ P L sinh ngày 28/4/2006; cháu thứ 2 tên là Nguyễn Vũ Minh T sinh ngày 16/12/2016; cháu thứ 3 tên là Nguyễn Vũ Quỳnh N sinh ngày 24/07/2018. Xét thực tế chị P và anh H đều là những người có nhân thân tốt, không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, nên có đủ điều kiện, khả năng nuôi con chung. Ngoài ra, tại bản tự khai trình bày tại Tòa án thì cháu Nguyễn Vũ P L có nguyện vọng muốn ở với bố; hai cháu Nguyễn Vũ Minh T và Nguyễn Vũ Quỳnh N đều còn nhỏ. Do đó cần chấp nhận đề nghị của chị P, giao cháu Nguyễn Vũ P L cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai cháu Nguyễn Vũ Minh T và Nguyễn Vũ Quỳnh N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền nuôi con nên không buộc anh H phải đóng góp tiền nuôi con chung là thỏa đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H không có yêu cầu giải quyết mối quan hệ này nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị P phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Nguyễn Vũ Minh T sinh ngày 16/12/2016 và cháu Nguyễn Vũ Quỳnh N sinh ngày 24/7/2018 kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Vũ P L sinh ngày 28/04/2006 kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Vũ P L đủ 18 tuổi. Anh H, chị P không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000049 ngày 29/4/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU Q